

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (MSB)

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

Ngày 29/12/2023	13,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-4.4%	3.2%

Tổng thu nhập 2023
12,258,9
triệu VNĐ
YoY: ▲ 1,565,313

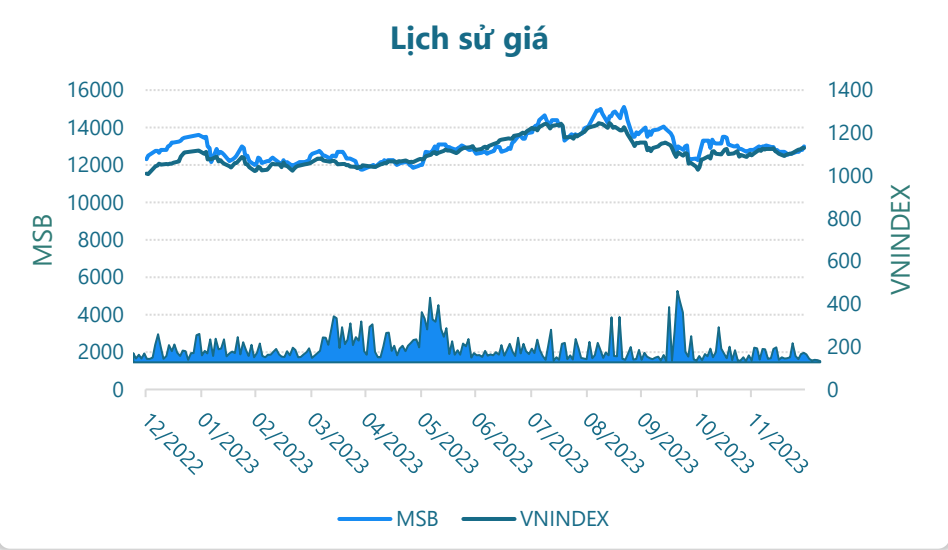
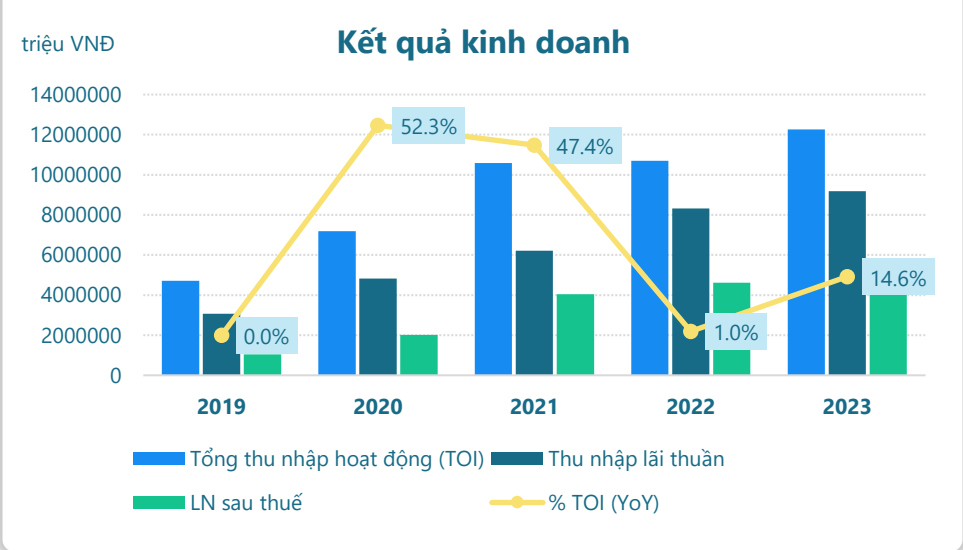
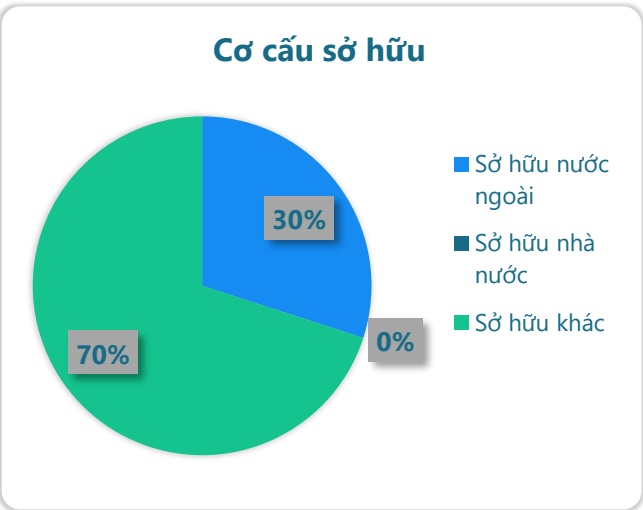
Thu nhập lãi thuần 2023
9,188,51
triệu VNĐ
YoY: ▲ 866,724 10.4%

LN sau thuế 2023
4,644,21
triệu VNĐ
YoY: ▲ 28,001 0.6%

YOEA 2023
8.5%
YoY: +/-▲ 1.5%

NIM 2023
4.1%
YoY: +/-▼ 0.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,750 - 15,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	26,000
Số lượng CPLH (CP)	2,000,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,383,915
Sở hữu nước ngoài	30.0%
Beta	1.16
EPS	2,322
P/E	5.6

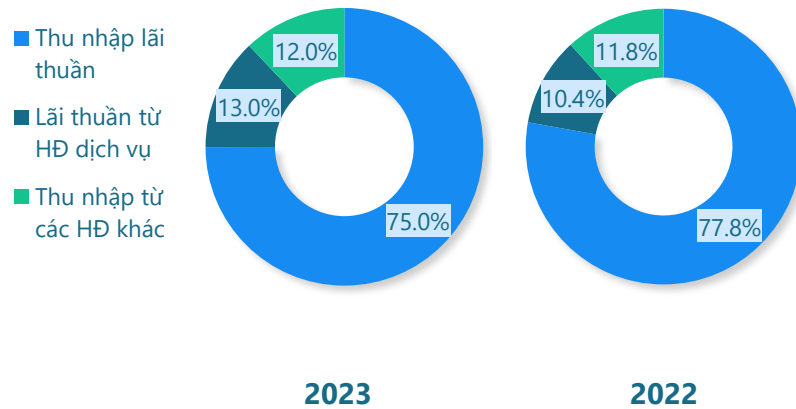


Tổng thu nhập hoạt động của **MSB** năm **2023** **tăng trưởng 14.6%** so với năm trước, đạt **12,258,987** tỷ đồng. Trong đó thu nhập lãi thuần cũng **tăng trưởng 10.4%**, đạt **9,188,515** tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt **4,644,214** tỷ đồng **tăng trưởng 0.61%** so với năm trước.

Tỷ suất sinh lợi của Tài sản có sinh lãi (YOEA) **tăng thêm 1.51%** so với năm trước đạt **8.45%**, và cũng **cao hơn** mức **trung bình ngành 8.30%**. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) **giảm đi 0.26%** ở mức **4.10%**, **cao hơn** mức NIM trung bình ngành **3.46%**.

Nhân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

Thu nhập thuần



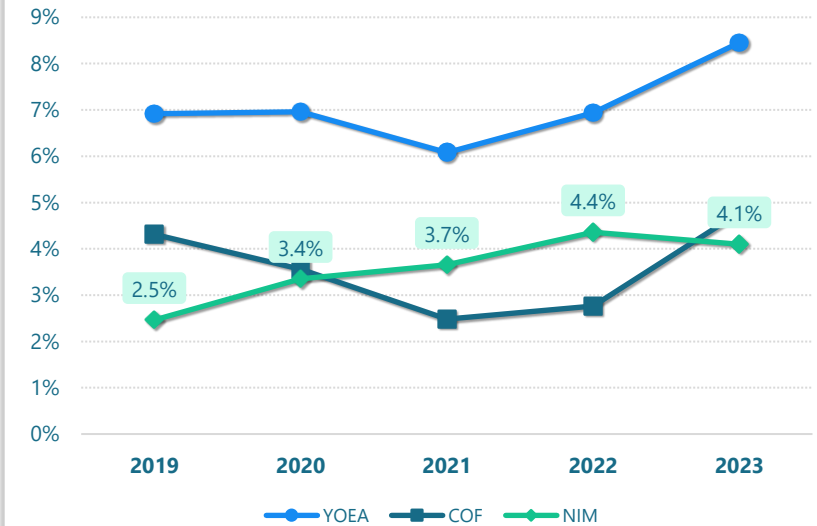
Năm 2023, thu nhập từ lãi thuần của MSB chiếm **75.0%** tổng thu nhập và tỷ lệ này **thấp hơn** năm trước (**77.8%**). **Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ** chiếm **13.0%** và **thu nhập từ các hoạt động khác** chiếm **12.0%** tổng thu nhập.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt **1,616,746** tỷ đồng, **tăng 238%** so với năm trước.

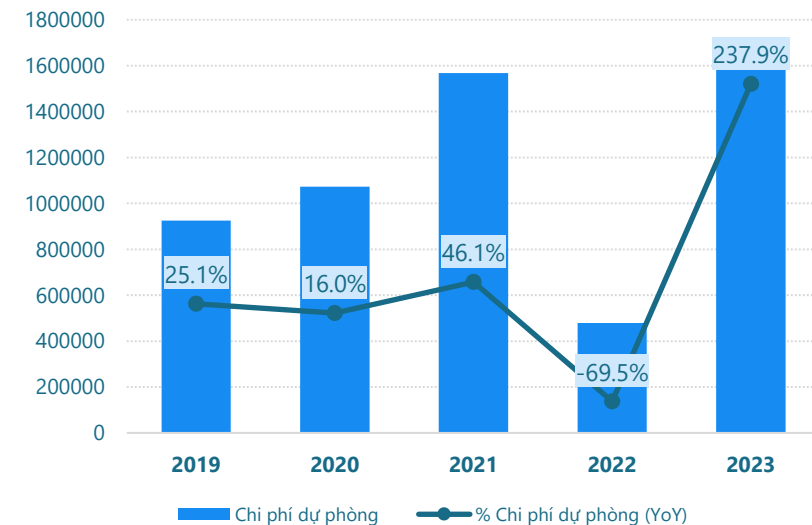
Tỷ lệ chi phí huy động vốn (COF) là **4.78%**, **tăng thêm 2.02 đ%** so với năm trước. Cho thấy chi phí huy động vốn của ngân hàng ngày càng đắt đỏ hơn. **COF** của MSB **thấp** hơn trung bình ngành (**4.84%**) **0.06 đ%**, tạo ra lợi thế trong việc huy động nguồn vốn so với các ngân hàng khác.

Chi phí hoạt động của MSB năm 2023 là **4,812,331** tỷ đồng, **tăng 8.68%** so với năm trước. Tuy nhiên, Tỷ số chi phí trên thu nhập (CIR) bằng **39.3%** lại **thấp hơn** năm trước **2.15 đ%** cho thấy thu nhập hoạt động đang **tăng** nhanh hơn so với chi phí hoạt động. CIR của MSB **cao hơn** CIR trung bình ngành (**39.2%**) là **0.10 đ%**, ngân hàng cần tối ưu hóa chi phí, tăng thu nhập và quản lý rủi ro để nâng cao sức cạnh tranh.

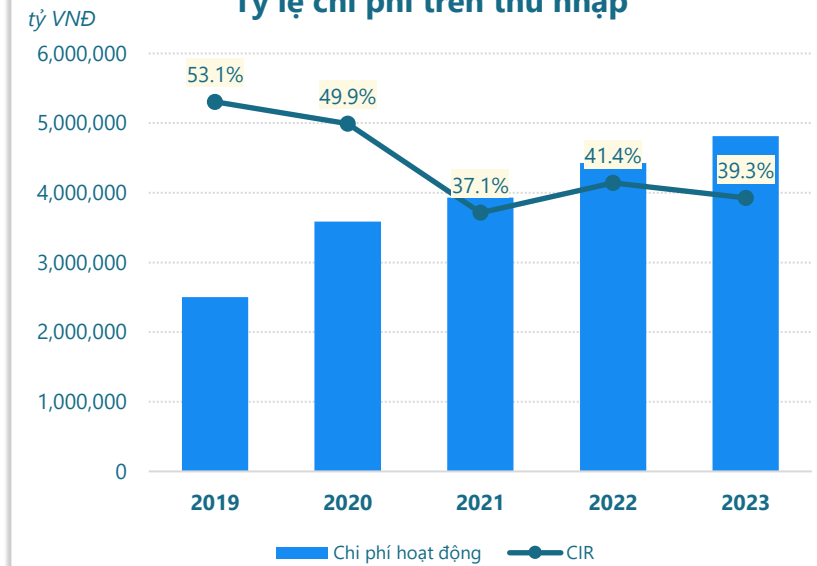
Tỷ suất sinh lợi, Chi phí



Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

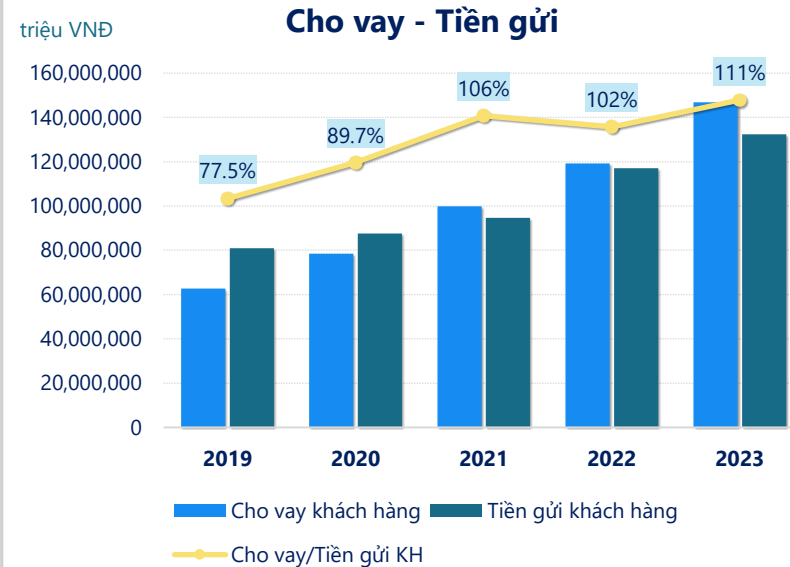


Tỷ lệ chi phí trên thu nhập

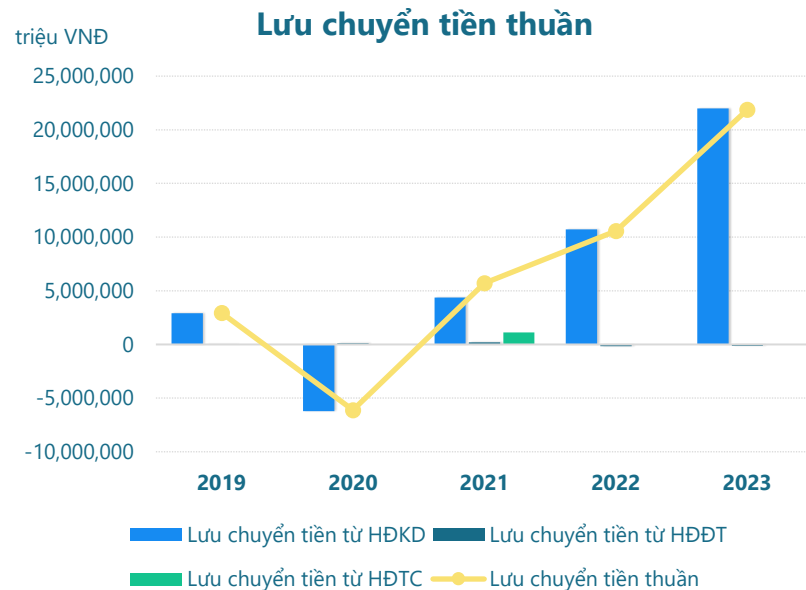


Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

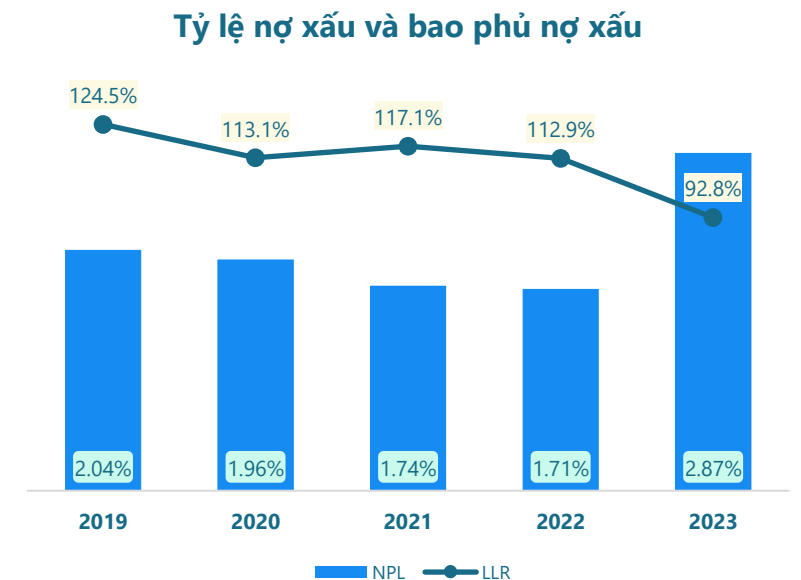
Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của **MSB** dương **21,867,254** tỷ đồng, trong đó đóng góp nhiều nhất là **Lưu chuyển tiền từ HĐKD** chiếm **21,985,182** tỷ đồng. Thể hiện quy mô vốn bằng tiền của ngân hàng đang tăng lên đặc biệt khi dòng tiền dương chủ yếu từ HĐKD.



Tỷ lệ nợ xấu (**NPL**) **tăng lên 2.87%** cùng với Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) giảm xuống 92.8% so với năm trước cho thấy sự suy giảm về chất lượng tài sản và khả năng quản lý rủi ro của ngân hàng.



Năm 2023, khoản **Cho vay khách hàng** của **MSB** đạt **146,782,639** tỷ đồng, **tăng trưởng 23.1%** so với năm trước. **Tiền gửi khách hàng** đạt **132,350,131** tỷ đồng, **tăng trưởng 13.0%** so với năm trước. **Tỷ lệ cho vay/tiền gửi khách hàng** cao hơn năm trước và bằng **111%**, cho thấy ngân hàng đang đẩy mạnh hoạt động cho vay vượt quá khả năng huy động từ tiền gửi. Điều này có thể mang lại cơ hội tăng trưởng nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức về quản lý rủi ro và thanh khoản.





Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

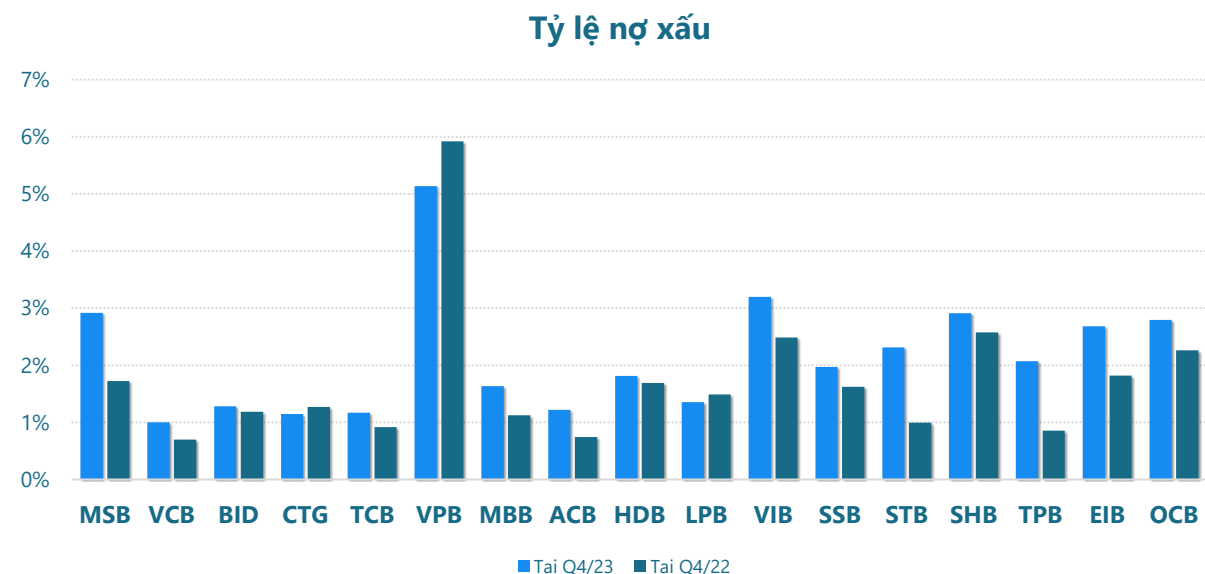
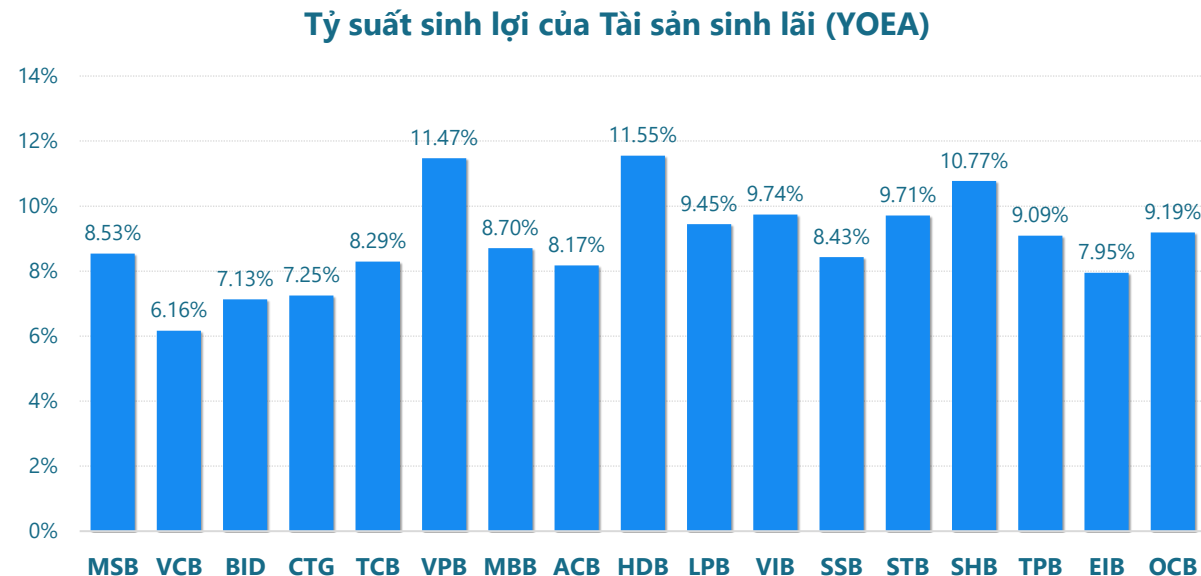
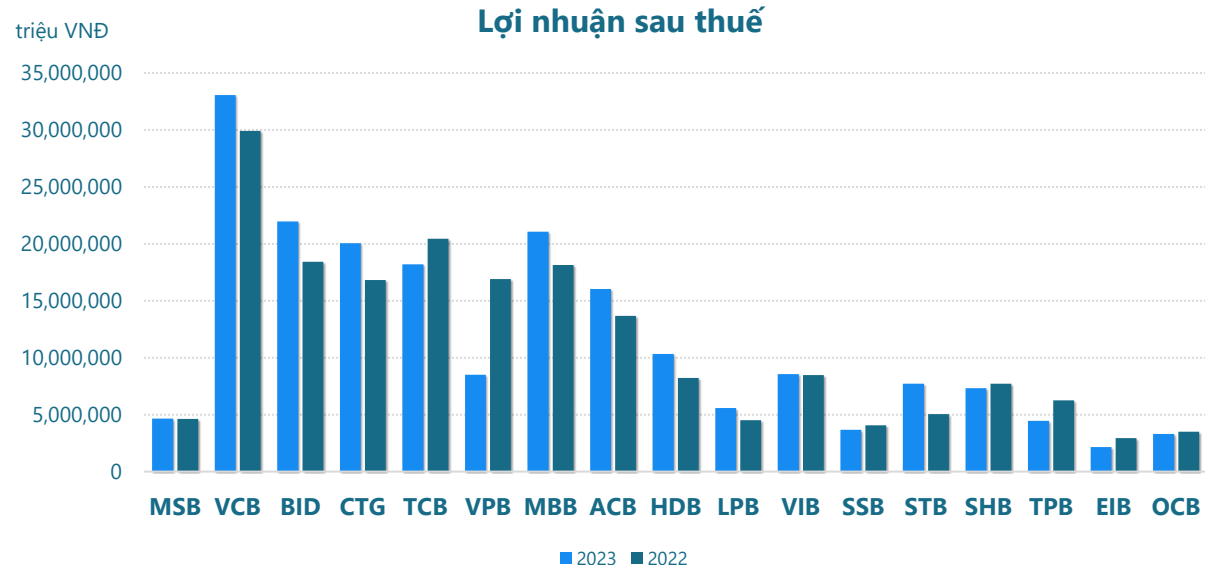
KẾT QUẢ KINH DOANH (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Thu nhập lãi thuần	4,822,388	6,216,244	8,321,791	9,188,515
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	820,669	2,873,439	1,112,464	1,597,025
Lãi thuần từ KD ngoại hối	269,999	382,764	1,000,441	1,072,237
Lãi thuần từ CK KD, Đầu tư	552,494	351,667	681,094	499,107
Lãi thuần từ HĐ khác	716,739	662,592	-422,996	-99,528
Lãi thuần từ góp vốn mua cổ phần	189	101,536	880	1,631
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	7,182,480	10,588,242	10,693,674	12,258,987
Chi phí hoạt động	3,585,922	3,931,913	4,427,964	4,812,331
LN trước dự phòng	3,596,558	6,656,329	6,265,710	7,446,656
Chi phí dự phòng	1,073,244	1,567,866	478,507	1,616,746
LN trước thuế	2,523,314	5,088,463	5,787,203	5,829,910
Thuế	512,170	1,053,723	1,170,990	1,185,696
LN sau thuế	2,011,144	4,034,740	4,616,213	4,644,214
LN ròng	2,011,144	4,034,740	4,616,213	4,644,214

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ #REF!	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6,220,780	4,376,922	10,728,387	21,985,182
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	110,033	194,739	-172,070	-117,928
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	1,132,389	0	0
Tiền đầu kỳ	24,896,661	18,785,916	24,489,966	35,046,283
Lưu chuyển tiền thuần	-6,110,747	5,704,050	10,556,317	21,867,254
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18,785,916	24,489,966	35,046,283	56,913,537

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Tổng tài sản	176,697,625	203,665,423	212,775,858	267,005,838
Tiền và TĐ tiền	2,204,642	1,524,098	1,393,551	939,629
Tiền gửi tại NHNN	1,850,921	3,056,674	3,689,730	4,589,199
Tín phiếu kho bạc và GTCG	0	0	0	0
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	16,977,765	33,441,936	39,243,600	61,149,694
Chứng khoán kinh doanh	21,050	23,487	21,675	0
Các CCPS và các TS TC khác	0	0	446,344	0
Cho vay khách hàng	78,497,568	99,875,801	119,212,621	146,782,639
Chứng khoán đầu tư	55,676,927	48,226,133	31,534,742	37,880,373
Góp vốn đầu tư dài hạn	22,036	10,036	10,036	10,036
Tài sản cố định	308,751	311,581	382,873	402,736
Bất động sản đầu tư	1,032,510	0	0	0
Tài sản có khác	20,105,455	17,195,677	16,840,686	15,251,532
Tổng nợ	159,822,806	181,627,638	186,121,860	235,707,626
Các khoản nợ CP và NHNN	20,734	1,017,253	1,014,560	1,012,533
Tiền gửi và vay các TCTD khác	56,025,723	68,035,603	50,374,160	85,553,514
Tiền gửi khách hàng	87,510,188	94,616,419	117,120,779	132,350,131
Các CCPS và nợ TC khác	52,030	76,833	0	263,356
Vốn tài trợ, uỷ thác ĐT mà NH chịu RR	0	0	0	0
Phát hành giấy tờ có giá	11,711,474	13,042,540	11,599,514	8,991,415
Các khoản nợ khác	4,502,657	4,838,990	6,012,847	7,536,677
Vốn chủ sở hữu	16,874,819	22,037,785	26,653,998	31,298,212
Lợi ích của CĐ không kiểm soát	0	0	0	0



Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam



Trong các mã chứng khoán trên, **VCB** có lợi nhuận sau thuế năm 2023 lớn nhất đạt **33,054,448** tỷ đồng (**tăng trưởng 10.5%**). **EIB** có lợi nhuận sau thuế thấp nhất chỉ đạt **2,165,099** tỷ đồng (**giảm đi 26.5%**). Còn lợi nhuận sau thuế của **MSB** đạt **4,644,214** tỷ đồng (**tăng trưởng 0.61%**).

Với Tỷ suất sinh lợi của Tài sản Có sinh lãi (**YOEA**), **HDB** đạt mức tỷ suất lớn nhất là **11.6%**, **VCB** đạt mức tỷ suất thấp nhất là **6.16%**. Còn **MSB** đạt mức tỷ suất là **8.53%**, xếp **thứ 4** trong các mã trên.

Tỷ lệ nợ xấu của **VPB** là cao nhất ở mức **5.14%**, ở mức thấp nhất là mã **VCB** bằng **1.00%**. Còn **MSB** có tỷ lệ nợ xấu bằng **2.92%**, xếp thứ 4 trong nhóm mã trên.